

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-PT

Ngày 22-01-2018

V/v tranh chấp về bồi thường thiệt hại
đối với tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu.

Bà Thái Thị Phi Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp về bồi thường thiệt hại đối với tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 115/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh T; cư trú tại: Đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T; địa chỉ trụ sở tại: Đường Đ, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T là bà Lê Phương T – Chức vụ: Giám đốc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng thương mại cổ phần B; địa chỉ trụ sở tại: Tòa nhà C, đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần B là bà Nguyễn Thị Ngọc Q; chức vụ: Giám đốc Trung tâm hỗ trợ kinh doanh của Hội sở đặt tại Đà Nẵng; và bà Trần Thị Hồng V; chức vụ: Chuyên viên Khách hàng phụ trách hồ sơ; địa chỉ: đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền, ngày 19 tháng 12 năm 2017).

2. Ông Lê Minh T; cư trú tại: đường L, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Minh T là bà Lê Thị Thanh T; cư trú tại: Đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 7 năm 2017).

3. Ông Lê Văn K; Hiện ông K đang chấp hành án tại Trại giam A, thuộc xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

- *Người kháng cáo:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T, trình bày:

- Ngày 22/10/2015, bà có giao một chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Triton GL, biển kiểm soát 43C-09551 do bà đứng tên chủ sở hữu cho Công ty trách nhiệm

hữu hạn một thành viên T (sau đây gọi tắt là Công ty T) để Công ty T làm dịch vụ cho thuê xe tự lái.

- Cùng ngày 22/10/2015, Công ty T đã cho ông Lê Văn K thuê chiếc xe của bà và sau đó đã bị ông K lừa đảo, chiếm đoạt chiếc xe để bán sang Campuchia; xe không thu hồi được. Hành vi của ông K đã bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Bản án số: 10/2016/HSST ngày 18/5/2016; và Tòa án đã xử buộc bị cáo Lê Văn K phải bồi thường cho Công ty T số tiền 503.000.000 đồng.

- Sau đó, bà đã nhiều lần yêu cầu Công ty T phải bồi thường cho bà giá trị chiếc xe ô tô với số tiền 503.000.000 đồng nhưng Công ty không chịu bồi thường do bị cáo Khuyên chưa bồi thường cho Công ty; nên bà đã khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu Công ty T phải bồi thường cho bà số tiền 503.000.000 đồng và tiền thuê xe tính từ ngày 22/10/2015 đến ngày 11/5/2017 là 190.000.000 đồng.

- Khi mua xe ô tô nói trên, bà và chồng là ông Lê Minh T đã vay của Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 350.000.000 đồng và thế chấp luôn chiếc xe để đảm bảo khoản tiền vay của Ngân hàng; đến hiện nay vẫn chưa thanh lý được hợp đồng vay với Ngân hàng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty T về đòi tiền thuê xe ô tô từ ngày 22/10/2015 đến ngày 11/5/2017 với số tiền 190.000.000 đồng; yêu cầu còn lại của bà đối với Công ty T là số tiền bồi thường về giá trị chiếc xe bị mất làm tròn lại là 500.000.000 đồng.

Bị đơn Công ty T, trình bày: Đại diện Công ty T thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T. Sau khi chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Triton GL, biển kiểm soát 43C-09551, thì ông Lê Văn K đã bán sang Campuchia; xe không thu hồi được; ông K bị xử phạt 13 năm tù và đang thi hành án nên chưa bồi thường được cho Công ty đồng nào do đó Công ty cũng chưa có tiền trả lại cho bà T;

ý kiến của Công ty là khi nào ông K thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì Công ty sẽ trả ngay cho bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần B, trình bày:

- Ngày 08/7/2015, bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Minh T vay của Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền là 350.000.000 đồng; tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Triton GL, biển kiểm soát 43C-09551 do bà T đứng tên chủ sở hữu.

- Tính đến ngày 19/9/2017, bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Minh T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 401.105.696 đồng. Do khoản vay của bà T và ông Tiến đã quá hạn nên Ngân hàng đã khởi kiện bà T, ông Tiến ra Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng và được giải quyết theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 41/2017/QĐST-DS ngày 02/8/2017.

- Nay Ngân hàng không có ý kiến gì trong việc giải quyết đòi bồi thường giữa bà Lê Thị Thanh T đối với Công ty T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn K, đã trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2018: Ông thống nhất với lời trình bày của các đương sự khác trong vụ án và nay ông không có ý kiến trong việc giải quyết đòi bồi thường giữa bà Lê Thị Thanh T đối với Công ty T.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, đã xử và quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 487 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T đối với Công ty T về việc “Đòi tài sản”.

Xử:

1. Buộc Công ty T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thanh T số tiền là 500.000.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 24.000.000 đồng Công ty T phải chịu.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Thanh T tiền tạm ứng án phí là 15.860.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0003436 ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2017, Công ty T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông K, theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Về nghĩa vụ bồi thường: Ngày 22 tháng 01 năm 2018, Công ty T phải thanh toán cho bà Lê Thị Thanh T số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty T tự nguyện chịu 14.000.000 đồng.

Xét thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, nên người kháng cáo là Công ty T phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Ngày 22 tháng 01 năm 2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải thanh toán cho bà Lê Thị Thanh T số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nói trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức

lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

Bà Lê Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà T 15.860.000 đồng (Mười lăm triệu, tám trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003436 ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 007527 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân quận Thanh Khê;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hà Nam